

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC

(Ban hành kèm theo Quyết định số 3334/QĐ-ĐHCT ngày 24 tháng 8 năm 2022
của Hiệu trưởng Trường Đại học Cần Thơ)

Ngành: **Luật (Law)**

Mã ngành: 7380101

Chuyên ngành: **Luật thương mại (Commercial Law)**

Thời gian đào tạo: 4 năm

Danh hiệu: Cử nhân

Đơn vị quản lý: Bộ môn Luật Thương mại, Khoa Luật

1. Mục tiêu đào tạo

1.1 Mục tiêu đào tạo chung

Chương trình đào tạo đại học chuyên ngành Luật thương mại nhằm đào tạo cử nhân Luật có kiến thức chuyên môn, có khả năng làm việc độc lập, sáng tạo và giải quyết những vấn đề thuộc lĩnh vực chuyên môn, có phẩm chất chính trị, đạo đức, có sức khoẻ, có năng lực tự chủ và trách nhiệm, năng lực lãnh đạo và thích ứng với thay đổi, có năng lực nghiên cứu khoa học, có ý thức trách nhiệm công dân và ý thức phục vụ nhân dân, có khả năng phục vụ cho sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

1.2 Mục tiêu đào tạo cụ thể

a. Có kiến thức vững chắc về khoa học xã hội, chính trị, kiến thức lý thuyết, thực tiễn sâu, rộng trong lĩnh vực chuyên môn thuộc chuyên ngành luật thương mại như pháp luật về doanh nghiệp, về các hoạt động thương mại, pháp luật về môi trường và phát triển bền vững, về hợp đồng, về thương mại quốc tế, về tài chính, thuế... và có đủ kiến thức liên thông để làm việc trong các lĩnh vực khác.

b. Có kiến thức về công nghệ thông tin, quản lý, điều hành hoạt động chuyên môn, thực hành hoạt động nghề nghiệp nhằm đáp ứng cho nhu cầu công việc; Có khả năng sử dụng các giải pháp thay thế trong điều kiện môi trường không xác định hoặc thay đổi.

c. Có khả năng lập kế hoạch, tổ chức giám sát các quá trình trong hoạt động nghiên cứu, áp dụng pháp luật và giải quyết các vấn đề phức tạp trong lĩnh vực chuyên ngành luật thương mại; Có khả năng làm việc một cách độc lập hoặc theo nhóm; Có khả năng truyền đạt và đưa ra giải pháp đến người khác trong quá trình làm việc; Có bản lĩnh chịu trách nhiệm đối với công việc.

d. Có năng lực ngoại ngữ để tiếp cận hệ thống pháp luật của các quốc gia trên thế giới, đáp ứng đủ điều kiện làm việc trong môi trường quốc tế và cơ hội học tập nâng cao trình độ; Có khả năng dẫn dắt, sáng tạo, khởi nghiệp, tạo việc làm cho mình và cho người khác.

2. Chuẩn đầu ra

Hoàn thành chương trình đào tạo trình độ đại học, chuyên ngành Luật thương mại, người học nắm vững các kiến thức, có những kỹ năng và thể hiện được mức độ tự chủ và trách nhiệm cá nhân như sau:

2.1 Kiến thức

2.1.1 Khó kiến thức giáo dục đại cương

- Vận dụng kiến thức cơ bản về khoa học xã hội, khoa học chính trị và học thuyết pháp lý.
- Ứng dụng kiến thức về công nghệ thông tin.
- Có năng lực ngoại ngữ về tiếng Anh hoặc tiếng Pháp tương đương trình độ bậc 3/6 Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam (B1 theo khung tham chiếu Châu Âu).
- Áp dụng kiến thức cơ bản về quyền con người.
- Vận dụng kiến thức cơ bản về sáng tạo, khởi nghiệp, kỹ năng mềm và đảm bảo sức khoẻ.

2.1.2 Khó kiến thức cơ sở ngành

- Vận dụng kiến thức về lập kế hoạch, tổ chức và giám sát các quá trình trong hoạt động nghiên cứu, áp dụng pháp luật.

b. Áp dụng kiến thức cơ bản về quản lý, điều hành hoạt động chuyên môn trong lĩnh vực pháp lý chuyên ngành.

c. Tổng hợp kiến thức cơ bản về nhà nước và pháp luật, hiến pháp, hành chính, hình sự, dân sự, đất đai, hôn nhân và gia đình, môi trường, quốc tế để thích ứng với các lĩnh vực chuyên ngành luật khác, khi môi trường làm việc thay đổi.

d. Vận dụng kiến thức cơ bản về thuật ngữ pháp lý và hệ thống pháp luật của các quốc gia trên thế giới.

2.1.3 Khỏi kiến thức chuyên ngành

a. Ứng dụng kiến thức thực tế vững chắc, kiến thức lý thuyết sâu, rộng trong lĩnh vực chuyên ngành luật thương mại như quy định của pháp luật về: Thương nhân, các hoạt động thương mại, đầu tư, giải quyết tranh chấp và phá sản, cạnh tranh và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng, một số hoạt động kinh doanh, thương mại cụ thể, thuế, tài chính, ngân hàng, chứng khoán, lao động, an sinh xã hội, sở hữu trí tuệ và dân sự theo nghĩa rộng (dân sự, lao động, hôn nhân và gia đình, lao động, tố tụng dân sự) có yếu tố nước ngoài.

b. Vận dụng kiến thức về soạn thảo văn bản, soạn thảo hợp đồng thương mại và thực hành nghề luật.

c. Ứng dụng kiến thức chuyên sâu định hướng nghề nghiệp trong lĩnh vực chuyên ngành luật thương mại.

d. Tổng hợp kiến thức về nghiệp vụ và thực tế trong lĩnh vực chuyên ngành.

2.2 Kỹ năng

2.2.1 Kỹ năng cứng

a. Thành thạo kỹ năng cần thiết để có thể giải quyết các vấn đề phức tạp trong lĩnh vực pháp lý, đặc biệt trong lĩnh vực kinh doanh, thương mại.

b. Kết hợp kỹ năng phản biện và sử dụng các giải pháp thay thế trong điều kiện môi trường không xác định hoặc thay đổi; đồng thời kiến tạo kỹ năng đánh giá chất lượng công việc sau khi hoàn thành và kết quả thực hiện của các thành viên trong nhóm.

2.2.2 Kỹ năng mềm

a. Nắm vững kỹ năng truyền đạt vấn đề và giải pháp tới người khác tại nơi làm việc và đạt được kỹ năng chuyển tải, phổ biến kiến thức.

b. Kiến tạo kỹ năng trong việc thực hiện những nhiệm vụ cụ thể hoặc phức tạp; đồng thời thành thạo kỹ năng dẫn dắt, khởi nghiệp, tạo việc làm cho mình và cho người khác.

c. Có trình độ ngoại ngữ trong giao tiếp và trình độ tin học căn bản.

2.3 Thái độ/Mức độ tự chủ và trách nhiệm cá nhân

a. Thể hiện thái độ, khả năng làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm và thể hiện khả năng tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ được quan điểm cá nhân.

b. Thể hiện thái độ, khả năng lập kế hoạch, điều phối, quản lý các nguồn lực, đánh giá và cải thiện hiệu quả các hoạt động; đồng thời thể hiện thái độ, khả năng hướng dẫn, giám sát những người khác thực hiện nhiệm vụ xác định.

3. Vị trí làm việc của người học sau khi tốt nghiệp

- Làm việc tại các cơ quan nhà nước các cấp (hệ thống các cơ quan lập pháp, hành pháp, tư pháp).

- Làm việc tại các tổ chức kinh tế (doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã và các tổ chức kinh tế khác).

- Làm việc tại các đơn vị sự nghiệp, tổ chức chính trị, chính trị - xã hội, xã hội - nghề nghiệp... phụ trách lĩnh vực pháp chế.
- Tự hành nghề luật sư, kinh doanh.

4. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường

- Đủ điều kiện học sau đại học (chương trình thạc sỹ) chuyên ngành luật trong nhóm ngành đúng, ngành gần theo quy định của Bộ giáo dục và đào tạo.
- Đủ điều kiện học các chương trình đào tạo luật sư và các chức danh tư pháp.

5. Các chương trình, tài liệu, chuẩn quốc tế mà đơn vị tham khảo

5.1 Các tài liệu tham khảo

Luật Giáo dục, Luật giáo dục đại học; Khung Trình độ quốc gia Việt Nam; Khung Năng lực ngoại ngữ Việt Nam; yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp trình độ đại học (Thông tư 07/2015/TT-BGDĐT); Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản (Thông tư 03/2014/TT-BTTTT); Tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học (Thông tư 04/2016/TT-BGDĐT); Tiêu chuẩn đánh giá chất lượng cấp chương trình đào tạo của AUN-QA (phiên bản 2015);

5.2 Các Chương trình đào tạo tham khảo

5.2.1 Chương trình đào tạo đại học ngành Luật thương mại, Đại học Luật TP. Hồ Chí Minh:

Nội dung chương trình:

<http://daotao.hcmulaw.edu.vn/Default.aspx?ModuleId=f92f39b2-dea3-4185-8cbb-56c1c49c5226&OlogyID=52&DepartmentID=TM&GraduateLevelID=DH&StudyTypeID=CQ>

Nội dung tham khảo:

- Luật đầu tư (2TC), Luật kinh doanh bất động sản (2TC) chuyên lên nhóm học phần bắt buộc.
- Luật sở hữu trí tuệ (2TC), Luật quốc tế (3TC).

5.2.2 Chương trình đào tạo chuyên ngành Luật kinh doanh của Đại học Montréal (Canada)

Nội dung chương trình:

https://admission.umontreal.ca/typo3temp/fichepdf/UdeM_D.E.S.S._en_droit_des_affaires-2018-11-21-003108.pdf

Nội dung tham khảo:

- Le contrat commercial, La négociation commerciale (*Tham khảo cho môn Pháp luật về hợp đồng thương mại và môn Kỹ thuật đàm phán hợp đồng thương mại*)
- Le commerce électronique, La propriété intellectuelle, La faillite, Environnement, le financement des entreprises (*Tham khảo cho môn Luật thương mại điện tử, một phần của môn Luật tổ tụng thương mại và phá sản, Pháp luật về sở hữu trí tuệ, Luật hôn nhân gia đình, Luật môi trường, luật thuế*)

5.2.3. Chương trình đào tạo chuyên ngành Luật kinh doanh của Trường đại học Paris Saclay (Cộng hòa Pháp)

Nội dung chương trình:

https://www.universite-paris-saclay.fr/sites/default/files/m1_droit_des_affaires_-_upsud_1.pdf

Nội dung tham khảo:

- Droit spécial des sociétés (Tham khảo môn Pháp luật về thương nhân)
- Droit commercial 2: Entreprises en difficulté (*Tham khảo một phần cho môn Tổ tụng thương mại và phá sản*)
- Droit international privé 1, Droit international privé 2, Droit du travail, Droit commerce international, Introduction au droit de l'environnement, Droit civile: Contrat spéciaux, Droit fiscal des affaires 2, Droit de la concurrence, introduction à la propriété intellectuelle (*Tham khảo cho các môn: Luật tư pháp quốc tế 1, Luật tư pháp quốc tế 2, Luật lao động, Luật thương mại quốc tế, Luật môi trường, Luật dân sự về hợp đồng, Luật tài chính ngân hàng, Luật cạnh tranh, Pháp luật về sở hữu trí tuệ*)

6. Chương trình đào tạo

TT	Mã số học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Bắt buộc	Tự chọn	Số tiết LT	Số tiết TH	Học phần tiên quyết	Học phần song hành	HK thực hiện	
Khối kiến thức Giáo dục đại cương											
1	QP010E	Giáo dục quốc phòng và An ninh 1 (*)	2	2		37	8	Bố trí theo nhóm ngành			
2	QP011E	Giáo dục quốc phòng và An ninh 2 (*)	2	2		22	8	Bố trí theo nhóm ngành			
3	QP012	Giáo dục quốc phòng và An ninh 3 (*)	2	2		14	16	Bố trí theo nhóm ngành			
4	QP013	Giáo dục quốc phòng và An ninh 4 (*)	2	2		4	56	Bố trí theo nhóm ngành			
5	TC100	Giáo dục thể chất 1+2+3 (*)	1+1+1		3		90			I,II,III	
6	XH023	Anh văn căn bản 1 (*)	4		AV	60				I,II,III	
7	XH024	Anh văn căn bản 2 (*)	3			45			XH023	I,II,III	
8	XH025	Anh văn căn bản 3 (*)	3			45			XH024	I,II,III	
9	XH031	Anh văn tăng cường 1 (*)	4			60			XH025	I,II,III	
10	XH032	Anh văn tăng cường 2 (*)	3			45			XH031	I,II,III	
11	XH033	Anh văn tăng cường 3 (*)	3			45			XH032	I,II,III	
12	FL001	Pháp văn căn bản 1 (*)	4			PV	60				I,II,III
13	FL002	Pháp văn căn bản 2 (*)	3				45			FL001	I,II,III
14	FL003	Pháp văn căn bản 3 (*)	3				45			FL002	I,II,III
15	FL007	Pháp văn tăng cường 1 (*)	4				60			FL003	I,II,III
16	FL008	Pháp văn tăng cường 2 (*)	3		45				FL007	I,II,III	
17	FL009	Pháp văn tăng cường 3 (*)	3		45				FL008	I,II,III	
18	TN033	Tin học căn bản (*)	1	1			15				I,II,III
19	TN034	TT. Tin học căn bản (*)	2	2			60		TN033	I,II,III	
20	ML014	Triết học Mác - Lênin	3	3		45				I,II,III	
21	ML016	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	2		30		ML014		I,II,III	
22	ML018	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	2		30		ML016		I,II,III	
23	ML019	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	2		30		ML018		I,II,III	
24	ML021	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2		30		ML019		I,II,III	
25	KL051	Quyền con người	2	2		30				I,II	
26	ML007	Logic học đại cương	2		6	30				I,II,III	
27	XH028	Xã hội học đại cương	2			30					I,II,III
28	KN001	Kỹ năng mềm	2			20	20				I,II,III
29	XH011E	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2			30					I,II,III
30	KN002	Đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp	2			20	20				I,II,III
31	KL233	Học thuyết pháp lý	2			30					I,II
Cộng: 43 TC (Bắt buộc 24 TC; Tự chọn: 19 TC)											
Khối kiến thức cơ sở ngành											
32	KL101	Lý luận Nhà nước và pháp luật 1	2	2		30				I,II	
33	KL102	Lý luận Nhà nước và pháp luật 2	2	2		30		KL101		I,II	
34	KL301	Luật hiến pháp 1	2	2		30				I,II	
35	KL302	Luật hiến pháp 2	2	2		30		KL301		I,II	
36	KL113	Lịch sử nhà nước và Pháp luật	2	2		30				I,II	
37	KL105	Luật so sánh	2	2		30		KL102		I,II	
38	KL115	Phương pháp nghiên cứu khoa học - Luật	2	2		30		KL102		I,II	
39	KL127E	Luật hành chính	3	3		45			KL102	I,II	
40	KL122	Luật hôn nhân và gia đình	2	2		30		KL231		I,II	
41	KL118	Luật hình sự phân chung	2	2		30				I,II	
42	KL119	Luật hình sự phân riêng	2	2		30		KL118		I,II	
43	KL371	Luật tố tụng hình sự	2	2		30		KL119		I,II	
44	KL231	Luật dân sự: Chủ thể, tài sản, quyền sở hữu và quyền thừa kế	2	2		30				I,II	
45	KL133	Luật dân sự: Nghĩa vụ dân sự	2	2		30		KL231		I,II	
46	KL375	Công pháp quốc tế	3	3		45		KL302		I,II	
47	KL327	Luật đất đai	3	3		45		KL302		I,II	
48	KL213	Luật môi trường	3	3		45				I,II	
49	KL116	Thuật ngữ pháp lý - Tiếng Anh	2		2	30		XH025		I,II	
50	KL117	Thuật ngữ pháp lý - Tiếng Pháp	2			30		FL003		I,II	
Cộng: 40 TC (Bắt buộc: 38 TC; Tự chọn: 2 TC)											

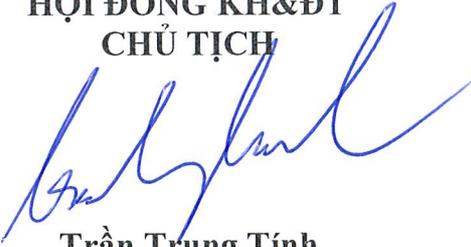
TT	Mã số học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Bắt buộc	Tự chọn	Số tiết LT	Số tiết TH	Học phần tiên quyết	Học phần song hành	HK thực hiện
Khởi kiến thức chuyên ngành										
51	KL214	Pháp luật về thương nhân	3	3		45			KL231	I,II
52	KL215	Luật thương mại	3	3		45		KL214		I,II
53	KL230	Luật tổ tụng thương mại và phá sản	3	3		45		KL215		I,II
54	KL384	Luật về kinh doanh bất động sản	2	2		30			KL215	I,II
55	KL331	Tư pháp quốc tế 1	2	2		30			KL231	I,II
56	KL332E	Tư pháp quốc tế 2	2	2		30		KL331		I,II
57	KL232	Luật thương mại quốc tế tư	3	3		45		KL331		I,II
58	KL393	Pháp luật về đầu tư	2	2		30		KL214		I,II
59	KL322	Luật lao động 1	2	2		30				I,II
60	KL218	Luật lao động 2	2	2		30		KL322		I,II
61	KL228	Luật ngân sách nhà nước	2	2		30		KL302, KL127E		I,II
62	KL219	Luật thuế	3	3		45		KL214, KL228		I,II
63	KL388	Luật ngân hàng	2	2		30		KL214		I,II
64	KL335	Pháp luật về sở hữu trí tuệ	2	2		30		KL302		I,II
65	KL235	Pháp luật về cạnh tranh và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng	3	3		45		KL215		I,II
66	KL396	Pháp luật về thương mại điện tử	2	2		30		KL215		I,II
67	KL374	Luật tổ tụng dân sự	2	2		30		KL133		I,II
68	KL391E	Pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán	2			30		KL214		I,II
69	KL392E	Pháp luật về hoạt động xuất nhập khẩu	2			30		KL215		I,II
70	KL427	Pháp luật về hợp đồng trong thương mại	2			30			KL215	I,II
71	KL428	Pháp luật về kinh doanh bảo hiểm	2			30		KL302		I,II
72	KL380E	Luật an sinh xã hội	2			30				I,II
73	KL221	Kỹ thuật soạn thảo hợp đồng thương mại	2			30		KL215	KL427	I,II
74	KL406	Thực hành nghề Luật	2			12	36	≥ 70 TC		I,II,III
75	KL217	Luật thương mại quốc tế công	2			30		KL375		I,II
76	KL370	Luận văn tốt nghiệp - Luật	10				300	≥ 105 TC		I,II
77	KL411	Tiểu luận tốt nghiệp - Luật	4				120	≥ 105 TC		I,II
78	KL424	Luật thương mại chuyên sâu	4			60		KL230		I,II
79	KL344	Bảo đảm nghĩa vụ	2			30		KL302		I,II
80	KL425	Pháp luật về các hiệp định thương mại	2			30		KL217		I,II
81	KL431	Thực tập tốt nghiệp	2				60	≥ 105 TC	KL411	I,II
82	KL395	Luật thuế quốc tế	2			30		KL219		I,II
83	KL114	Soạn thảo văn bản pháp luật	2			30				I,II
84	KL234	Pháp luật về kinh doanh dịch vụ Logistics	2			30		KL215		I,II
85	KL397	Nghị quyết vụ tòa án	2			15	30	≥ 105 TC		I,II
Cộng: 58 TC (Bắt buộc: 40 TC; Tự chọn: 18 TC)										
Tổng cộng: 141 TC (Bắt buộc: 102 TC; Tự chọn: 39 TC)										

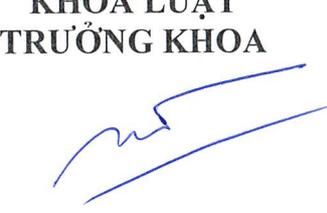
(*): là học phần điều kiện, không tính điểm trung bình chung tích lũy. Sinh viên có thể hoàn thành các học phần trên bảng hình thức nộp chứng chỉ theo quy định của Trường hoặc học tích lũy.

Ngày 24 tháng 8 năm 2022

BAN GIÁM HIỆU
HIỆU TRƯỞNG

Hà Thanh Toàn

HỘI ĐỒNG KH&ĐT
CHỦ TỊCH

Trần Trung Tính

KHOA LUẬT
TRƯỞNG KHOA

Phan Trung Hiền